

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG
Bản án số: 206/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*“Về việc: Yêu cầu tuyên bố không
công nhận quan hệ vợ chồng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Hoàng Văn Bón.
 2. Ông Mạc Ngọc Day.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2022/TLSTHNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc *“Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị B, sinh năm 1988.
- Bị đơn: Anh Bàn Văn P, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn 2 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh P đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bàn Văn P được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc bình thường cùng nhau tại thôn 2 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đến đầu năm 2016 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị với anh P không hợp nhau, luôn bất đồng

quan điểm trong cuộc sống; anh P thường xuyên uống rượu không tu chí làm ăn phát triển kinh tế gia đình, về nhà còn đánh đập chị nhiều lần, anh chị thường xuyên xảy ra to tiếng đánh cãi chửi nhau, không ai quan tâm và tin tưởng nhau trong cuộc sống. Chị xác định không còn tình cảm với anh P, mâu thuẫn giữa chị với anh P đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay mỗi người một công việc không ai quan tâm đến nhau nữa. Chị đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Bàn Văn P theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị và anh Bàn Văn P có 02 người con chung là cháu Bàn Văn L, sinh ngày 16/9/2008 và cháu Bàn Thị L, sinh ngày 12/12/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 12/12/2013; Chị nhất trí để anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bàn Văn L, sinh ngày 16/9/2008. Chị và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị và anh Bàn Văn P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Chị và anh Bàn Văn P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị B xác định anh Bàn Văn P đã biết và được chị trực tiếp thông báo về việc chị gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh P, nhưng anh P có tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị B giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** Đối với bị đơn anh Bàn Văn P:**

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/6/2022 và các văn bản tố tụng khác cho anh Bàn Văn P biết, báo gọi anh P nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh P không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Tòa án đã phối hợp với đại diện thôn 2 N, xã Y trực tiếp đến gia đình anh P để lấy lời khai và làm việc nhưng anh P không có mặt tại gia đình. Theo nội dung chị Đặng Thị B trình bày thì anh Bàn Văn P đã biết và được chị B trực tiếp thông báo về việc chị gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B với anh P, nhưng anh P có tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc. Như vậy người bị khởi kiện là anh Bàn Văn P đã có tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu Bàn Văn L, sinh ngày 16/9/2008 (là con chung của chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P). Cháu L trình bày khi bố mẹ cháu giải

quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với bố cháu là Bàn Văn P, cháu tự nguyện ở với bố cháu và không bị ai ép buộc gì; Đồng thời Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu Bàn Thị L, sinh ngày 12/12/2013 (là con chung của chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P). Cháu L trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là Đặng Thị B, cháu tự nguyện ở với mẹ cháu và không bị ai ép buộc gì

Qua xác minh tại địa phương thôn 2 N, xã Y, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay anh Bàn Văn P là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 2 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị B và anh P không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị B với anh P không hợp nhau, anh chị luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh P thường xuyên uống rượu không tu chí làm ảnh hưởng phát triển kinh tế gia đình, về nhà còn đánh đập chị B nhiều lần, anh chị thường xuyên xảy ra to tiếng đánh cãi chửi nhau, không ai quan tâm và tin tưởng nhau trong cuộc sống. Đồng thời đại diện thôn 2 N, xã Y cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2022 của Tòa án gửi nhờ địa phương giao, tổng đạt trực tiếp cho anh P. Địa phương đã trực tiếp gặp anh P giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng anh P từ chối không nhận nên địa phương đã trực tiếp niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 31/5/2022 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2000 đến nay (ngày 31/5/2022) không thể hiện việc chị Đặng Thị B có đăng ký kết hôn với anh Bàn Văn P.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Đặng Thị B cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Căn cước công dân của chị B (Bản phô tô); 01 Sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực); 02 Giấy khai sinh (Bản sao chứng thực);

- Bị đơn anh Bàn Văn P cung cấp cho Tòa án: Không có.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị Đặng Thị B chấp hành tốt các quy định pháp luật; đối với bị đơn anh Bàn Văn P đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P theo quy định pháp luật. Vì vậy

có thể xác định anh Bàn Văn P đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử không công nhận chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Bàn Thị L, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Đặng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Bàn Văn L, sinh ngày 16/9/2008 cho anh Bàn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Đặng Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Bàn Văn P không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Đặng Thị B có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Bàn Văn P nên xác định đây là vụ án “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Bàn Văn P là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 2 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt của bị đơn anh Bàn Văn P tại phiên tòa:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Bàn Văn P đã được Tòa án giao, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh P vẫn vắng mặt không đến Tòa án làm việc và không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bàn Văn P theo quy định.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay, trước khi chung sống anh chị được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh P là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”* và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Như vậy, chị B và anh P chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế chị B và anh P đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, trong thời gian sống ly thân nhau chị B và anh P không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy chị B làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Bàn Văn P. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh P. Xét thấy yêu cầu của chị Đặng Thị B và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P có hai người con chung là cháu Bàn Văn L, sinh ngày 16/9/2008 và cháu Bàn Thị L, sinh ngày 12/12/2013. Ly hôn, chị Đặng Thị B có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 12/12/2013; Chị nhất trí để anh Bàn Văn P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bàn Văn L, sinh ngày 16/9/2008. Chị và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Quá xác minh thực tế thì từ năm 2016 khi chị B và anh P sống ly thân đến nay, cháu Bàn Văn L vẫn trực tiếp ở cùng anh P, còn cháu Bàn Thị L đang trực tiếp do chị B nuôi dưỡng, chăm sóc. Căn cứ tình hình thực tế, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu L và cháu L, qua xem xét ý kiến nguyện vọng của chị B, cháu L và cháu L. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Bàn Thị L cho chị Đặng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Bàn Văn L cho anh Bàn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở;

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Bàn Văn P không đến Tòa án làm việc nên không xác định được anh P có yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung không. Đồng thời chị B không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do đó, Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Chị Đặng Thị B xác định chị và anh Bàn Văn P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về công nợ chung*: Chị Đặng Thị B xác định chị và anh Bàn Văn P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị Đặng Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Giao cháu Bàn Thị L, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Đặng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Giao cháu Bàn Văn L, sinh ngày 16/9/2008 cho anh Bàn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004747 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đặng Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Bàn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị B và anh Bàn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Lâm (Để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Tùng